

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 251/2019/DS-PT

Ngày: 12 - 9 - 2019

V/v tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Thẩm phán: Ông **Phan Văn Huyện**.

Bà **Trần Thị Kim Em**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Ông Bà **Nguyễn**

Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Mỹ D**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Huỳnh Thị Mỹ D**.

NỘI D V U Á N

Theo án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn Lê Thị Thu H trình bày:*

Chị và chị D đều là cò giới thiệu cho lái (thương lái) mua lúa để hưởng tiền hoa hồng do lái trả khoảng 30.000 đồng/tấn - 40.000 đồng/tấn. Hai người quen biết và làm ăn chung mười mấy năm nay nhưng chị thường giới thiệu cho

chị D mua lúa, sau đó chị D bán lại cho lái khác để kiếm lời. Ngoài chị D, chị còn làm cò nhiều lái lúa khác.

Vào khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị có giới thiệu cho chị D mua 02 cây lúa thơm nhẹ D85 của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và chị Phạm Thị L cùng ngụ ấp V, xã T, huyện G. Chị D đồng ý mua cây lúa của chị L với giá 7.650 đồng/kg, đưa trước tiền cọc 2.000.000 đồng nhưng chị L đòi cọc 3.000.000 đồng nên chị tự lấy 1.000.000 đồng của mình để đưa thêm cho chị L. Đến ngày 29/10/2018 âm lịch, chị D trực tiếp cân lúa của chị L là 3.476kg với số tiền 26.590.000 đồng. Do chưa có tiền trả nên chị D dặn chị trả thay.

Sáng ngày 01/11/2018, chị L đến gặp chị đòi tiền lúa là 23.590.000 đồng, sau khi trừ cọc 3.000.000 đồng. Chị đã trả đủ tiền và viết giấy tay đưa chị L giữ. Trước đó, chị có gọi điện thoại cho chị D để xác nhận lại số tiền đã cân lúa của chị L. Đến trưa cùng ngày, chị D hẹn gặp chị tại quán cà phê Tre (chợ T) để quyết toán các khoản tiền làm ăn chung, khi đó còn có anh Nguyễn Văn D ngụ ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cũng là cò như chị đến gặp chị D. Sau khi tính tiền lúa giống, tiền ghe,...thì chị D có trả cho chị các khoản tiền này và tiền mua cây lúa của chị H1 là 37.022.000 đồng nhưng còn nợ lại tiền mua cây lúa của chị L là 23.590.000 đồng và tiền cọc là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 24.590.000 đồng. Tính đến nay, chị D chưa trả cho chị khoản tiền này. Chị khởi kiện yêu cầu chị D trả lại cho chị số tiền còn nợ là 24.590.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:*

Chị và chị H đều là cò giới thiệu cho lái mua lúa. Chị H thường làm cò cho chị và ngoài chị H thì chị còn làm ăn với nhiều cò lúa khác. Khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị H có giới thiệu cho chị mua 02 cây lúa của chị H1 và chị L như chị H trình bày. Tuy nhiên, chị chỉ đưa cho chị H 2.000.000 đồng để đưa tiền cọc cho chị L, chị H tự ý đưa thêm chị L 1.000.000 đồng nhưng không cho chị biết. Sau đó, chị là người trực tiếp cân cây lúa của chị L là 3.495kg với số tiền 26.740.000 đồng. Do chị H tự ý trả tiền lúa cho chị L mà không hỏi ý kiến chị nên không biết chị L cộng nhầm chỉ có 3.476kg với số tiền 26.590.000 đồng. Sau khi cân cây lúa chị L khoảng vài ngày, chị có hẹn gặp chị H tại quán cà phê T để quyết toán tiền làm ăn chung và sau khi trả tiền lúa giống, tiền ghe,...thì chị cũng đã đưa đủ cho chị H tiền mua 02 cây lúa của chị H1 là 39.022.000 đồng (do chị không biết trừ nên chị H tự trừ

2.000.000 đồng tiền cọc để đưa lại chị) và chị L là 24.740.000 đồng. Do chị H là cò nên tự trả tiền lúa cho chị H1 và chị L. Khi đó, còn có anh D cũng là cò lúa đến gặp chị để quyết toán tiền như chị H. Trước đây, việc làm ăn các bên chỉ thỏa thuận miệng, mỗi người tự ghi sổ tay để theo dõi nên khi trả tiền lúa cho chị H cũng không có biên nhận. Lúc trả tiền cho chị H anh D đã ra về nên không có người làm chứng. Chị xác định đã đưa cho chị H số tiền 24.740.000 đồng để trả tiền mua cây lúa của chị L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H.

** Người làm chứng Phạm Thị L trình bày:*

Chị H là cò giới thiệu cho lái mua lúa. Chị đã bán lúa cho chị H từ mười mấy năm nay. Vào khoảng tháng 10/2018 âm lịch, chị có bán 01 cây lúa thơm nhẹ D85 do chị H giới thiệu cho chị D mua như chị H trình bày. Chị D là người trực tiếp cân lúa nhưng hẹn vài ngày sau mới trả tiền nên chị không đồng ý và tìm gặp chị H đòi tiền lúa. Ngày 01/11/2018 âm lịch, chị H có trả cho chị số tiền 23.590.000 đồng, sau khi trừ cọc 3.000.000 đồng mà chị H đã đưa trước, chị H có viết giấy tay đưa cho chị giữ. Sau khi chị H khởi kiện chị D thì chị mới biết khi cân lúa đã cộng nhầm như chị D trình bày. Chị không có yêu cầu gì trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H. Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 24.590.000 đồng. Thời hạn trả thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

* Ngày 04/5/2019, bị đơn Huỳnh Thị Mỹ D có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua diễn biến tại phiên tòa cho thấy: chị Huỳnh Thị Mỹ D kháng cáo đúng thời hạn luật định nên cần được xem xét. Xét thấy bản án sơ thẩm xử đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà

D không chứng minh được kháng cáo là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị D, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Huỳnh Thị Mỹ D nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản” là không chính xác theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự vì chị D không chiếm hữu, sử dụng tài sản hay được lợi tài sản không có căn cứ pháp luật mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Đây là tranh chấp về “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự vì các bên cùng thống nhất có sự chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội D kháng cáo của chị Huỳnh Thị Mỹ D: Tại phiên tòa, hai bên cùng thống nhất: chị H, chị D, chị Lệ có thỏa thuận về việc mua bán lúa, trong đó chị H là người giới thiệu mua lúa, chị L là người bán, chị D là người mua. Về Phương thức thanh toán, chị H là người đặt cọc, trả tiền mua lúa, sau đó chị D có nghĩa vụ trả tiền mua lúa cho chị H. Như vậy, trong hợp đồng mua bán lúa, các bên thống nhất có sự chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự. Chị D là bên có nghĩa vụ trả tiền mua lúa đã chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ là chị H với sự đồng ý của bên có quyền là chị Lệ. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nhưng chị D không hoàn trả lại số tiền mà chị H đã trả cho chị Lệ. Do đó, chị H có quyền yêu cầu chị D trả lại số tiền này.

Mặc dù, chị D cho rằng số tiền cân lúa là 24.740.000 đồng nhưng chị L và chị H cùng xác định, số tiền này là 24.590.000 đồng nên ghi nhận lời trình bày của chị H và người bán lúa là chị L. Đồng thời, chị H chỉ yêu cầu chị D trả số tiền 24.590.000 đồng đã trả cho chị L thay chị D nên cần buộc chị D phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 24.590.000 đồng. Chị D không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đã trả xong nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Từ phân tích trên, cấp sơ thẩm xét xử buộc chị D có nghĩa vụ trả số tiền 24.590.000 đồng cho chị H là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của chị D là không có cơ sở.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị D án không được chấp nhận nên căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội, chị D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Từ cơ sở nhận định trên, nhận thấy nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ, đúng luật định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Giữ y bản án sơ thẩm số 58/2019/DS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông về tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H. Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 24.590.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng). Thời hạn trả thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 46751 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị đã nộp xong. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.229.500 đồng.

- Hoàn lại chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 614.700 đồng theo biên lai thu số 46053 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM
- VKSND Tỉnh TG.
- TAND h. G.
- Chi cục THADS h. G.
- Đường sự.
- Phòng KTNV & THA (TAT)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Phương